

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC
Địa chỉ: 738 Lạc Long Quân, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2014

Ngày 31 tháng 03 năm 2014



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC

Địa chỉ: 738 Lạc Long Quân, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		231.143.951.436	224.413.126.033
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	745.255.364	3.421.258.734
1. Tiền	111		745.255.364	3.421.258.734
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		183.084.101.220	176.309.850.337
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	22.014.941.232	21.133.842.260
2. Trả trước cho người bán	132	V.2	46.360.899.437	40.467.747.526
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.2	114.708.260.551	114.708.260.551
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		34.027.147.295	29.831.107.329
1. Hàng tồn kho	141	V.3	34.027.147.295	29.831.107.329
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.287.447.557	14.850.909.633
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		60.000.000	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.887.847.557	1.535.309.633
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		24.000.000	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.4	11.315.600.000	13.315.600.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC

Địa chỉ: 738 Lạc Long Quân, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		153.862.393.451	153.622.572.247
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		103.306.368.451	103.066.547.247
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	41.039.310.925	42.251.944.710
<i>Nguyên giá</i>	222		51.465.779.046	50.860.284.044
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(10.426.468.121)	(8.608.339.334)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.6	62.267.057.526	60.814.602.537
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		50.200.000.000	50.200.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.7	50.200.000.000	50.200.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		356.025.000	356.025.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.8	356.025.000	356.025.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		385.006.344.887	378.035.698.280

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC

Địa chỉ: 738 Lạc Long Quân, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		108.292.266.244	101.404.018.982
I. Nợ ngắn hạn	310		108.292.266.244	101.404.018.982
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.9	2.360.000.000	2.360.000.000
2. Phải trả người bán	312		51.245.679.029	51.618.290.826
3. Người mua trả tiền trước	313		30.085.000.000	21.494.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	8.319.555.535	8.581.589.086
5. Phải trả người lao động	315		648.905.229	1.691.195.119
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		13.405.302.052	13.431.119.552
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.227.824.399	2.227.824.399
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		276.714.078.643	276.631.679.298
I. Vốn chủ sở hữu	410		276.714.078.643	276.631.679.298
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.11	268.000.000.000	268.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.11	6.580.858.842	6.580.858.842
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.11	2.133.219.801	2.050.820.456
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		385.006.344.887	378.035.698.280

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC

Địa chỉ: 738 Lạc Long Quân, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài		-	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-	-	-
5. Ngoại tệ các loại:		-	-	-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-	-	-

Kế toán trưởng



Ngô Văn Hiến

Lập ngày 31 tháng 03 năm 2014

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hiên

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC

Địa chỉ: 738 Lạc Long Quân, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý I năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý I	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	13.590.098.972	12.630.980.001	13.590.098.972	12.630.980.001
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		13.590.098.972	12.630.980.001	13.590.098.972	12.630.980.001
4. Giá vốn hàng bán	11		12.633.967.208	11.647.647.392	12.633.967.208	11.647.647.392
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		956.131.764	983.332.609	956.131.764	983.332.609
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		25.651	153.698	25.651	153.698
7. Chi phí tài chính	22		70.544.333	99.233.749	70.544.333	99.233.749
Trong đó: chi phí lãi vay	23		70.544.333	99.233.749	70.544.333	99.233.749
8. Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		701.994.288	777.398.314	701.994.288	777.398.314
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		183.618.794	106.854.244	183.618.794	106.854.244
11. Thu nhập khác	31		-	-	-	-
12. Chi phí khác	32		73.753.000	-	73.753.000	-
13. Lợi nhuận khác	40		(73.753.000)	-	(73.753.000)	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		109.865.794	106.854.244	109.865.794	106.854.244
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		27.466.449	26.713.561	27.466.449	26.713.561
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

60

82.399.345

80.140.683

82.399.345

80.140.683

Kế toán trưởng



Ngô Văn Hiến

Lập ngày 31 tháng 03 năm 2014

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hiền

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC

Địa chỉ: 738 Lạc Long Quân, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý I năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		109.865.794	106.854.244
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		1.818.128.787	892.743.379
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	-
- Chi phí lãi vay	06		70.544.333	99.233.749
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.998.538.914	1.098.831.372
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.150.788.807)	(13.138.776.132)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(4.196.039.966)	(2.218.631.227)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		6.860.780.813	15.525.165.103
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(60.000.000)	-
- Tiền lãi vay đã trả	13		(70.544.333)	(99.233.749)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(618.053.379)	1.167.355.367
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.057.949.991)	(203.647.267)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.057.949.991)	(203.647.267)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC

Địa chỉ: 738 Lạc Long Quân, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-	
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(2.676.003.370)	963.708.100	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	3.421.258.734	1.873.037.282
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	745.255.364	2.836.745.382

Kế toán trưởng

Ngô Văn Hiến

Lập ngày 31 tháng 03 năm 2014

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hiên

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC

Địa chỉ: 738 Lạc Long Quân, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Khai thác, thương mại, xây dựng, dịch vụ
- 3. Ngành nghề kinh doanh chính** : Khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến, buôn bán các loại khoáng sản và luyện kim;
Nhập khẩu các thiết bị khai thác, chế biến khoáng sản và luyện kim;
Lập dự án đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến khoáng sản và luyện kim;
Xây dựng Công trình giao thông;
Dịch vụ vận chuyển hành khách, vận tải hàng hóa bằng ô tô theo hợp đồng;
Xây dựng công trình công ích;
Xây dựng nhà các loại;

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng chế độ kế toán theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- 3. Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC

Địa chỉ: 738 Lạc Long Quân, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3. Các khoản đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn thể hiện giá trị các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản cho vay, ủy thác quản lý vốn với thời hạn từ trên 6 tháng đến 12 tháng.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6
Máy móc và thiết bị	6 - 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 5
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

7. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, Công ty con, Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC

Địa chỉ: 738 Lạc Long Quân, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

8. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

9. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là thuế thu nhập hiện hành. Là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC

Địa chỉ: 738 Lạc Long Quân, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	730.298.278	3.408.424.019
Tiền gửi ngân hàng	14.957.086	12.834.715
Cộng	<u>745.255.364</u>	<u>3.421.258.734</u>

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng	22.014.941.232	21.133.842.260
Trả trước cho người bán	46.360.899.437	40.467.747.526
Phải thu khác	114.708.260.551	114.708.260.551
Cộng	<u>183.084.101.220</u>	<u>176.309.850.337</u>

3. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên vật liệu	242.808.273	131.420.273
Công cụ, dụng cụ	56.709.091	56.709.091
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	32.762.256.406	28.677.604.440
Thành phẩm	541.033.525	541.033.525
Hàng hóa	424.340.000	424.340.000
Cộng	<u>34.027.147.295</u>	<u>29.831.107.329</u>

4. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng cho các đội thi công	11.315.600.000	13.315.600.000

5. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	27.109.369.447	21.581.625.185	2.145.427.594	23.861.818	50.860.284.044
Tăng trong năm	-	605.495.002	-	-	605.495.002
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	<u>27.109.369.447</u>	<u>22.187.120.187</u>	<u>2.145.427.594</u>	<u>23.861.818</u>	<u>51.465.779.046</u>
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	36.546.500	7.311.159.275	1.236.771.741	23.861.818	8.608.339.334
Tăng trong năm	676.820.574	1.041.646.508	99.661.705	-	1.818.128.787
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	<u>713.367.074</u>	<u>8.352.805.783</u>	<u>1.336.433.446</u>	<u>23.861.818</u>	<u>10.426.468.121</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	27.072.822.947	14.270.465.910	908.655.853	-	42.251.944.710
Số cuối năm	<u>26.396.002.373</u>	<u>13.834.314.404</u>	<u>808.994.148</u>	<u>-</u>	<u>41.039.310.925</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC

Địa chỉ: 738 Lạc Long Quân, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Mua sắm Tài sản cố định</i>	<i>13.480.800.028</i>	<i>12.763.480.628</i>
Mô đồng Vạn Sài, Phú Yên, Sơn La	877.839.568	877.839.568
Nhà máy chế biến quặng đồng, vàng Sơn La	4.955.055.900	4.237.736.500
Mỏ sắt Cận Còng, Yên Bái	7.647.904.560	7.647.904.560
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	<i>48.786.257.498</i>	<i>48.051.121.909</i>
Mỏ Atimon Bù Lột, Hòa Bình	730.856.378	730.856.378
Nhà máy chế biến quặng đồng, vàng Sơn La	32.660.874.520	31.925.738.931
Mỏ sắt 409 Hưng Thịnh, Yên Bái	13.917.324.079	13.917.324.079
Mỏ sắt Cận Còng - Yên Bái	829.949.954	829.949.954
Mỏ sắt Suối Dầm - Yên Bái	5.000.000	5.000.000
Mỏ vàng gốc Tú lệ 2	642.252.567	642.252.567
Cộng	<u>62.267.057.526</u>	<u>60.814.602.537</u>

7. Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần An Hồng Phương	50.000.000.000	50.000.000.000
Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến vàng Lai Châu	200.000.000	200.000.000
Cộng	<u>50.200.000.000</u>	<u>50.200.000.000</u>

8. Tài sản dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ, ký cược dài hạn	356.025.000	248.325.000
Cộng	<u>356.025.000</u>	<u>248.325.000</u>

9. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng Quân đội	2.360.000.000	2.360.000.000
Cộng	<u>2.360.000.000</u>	<u>2.360.000.000</u>

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.261.446.693	8.533.980.244
Thuế thu nhập cá nhân	58.108.842	47.608.842
Cộng	<u>8.319.555.535</u>	<u>8.581.589.086</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác sắt và đồng, vàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC

Địa chỉ: 738 Lạc Long Quân, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích đất đang sử dụng theo quy định tại địa bàn nơi thuê theo quy định của Nhà nước.

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

11. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	268.000.000.000	6.622.245.370	351.785.494	301.271.736	275.275.302.600
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	1.749.548.720	1.749.548.720
Giảm khác	-	(41.386.528)	(351.785.494)	-	(393.172.022)
Số dư cuối năm trước	<u>268.000.000.000</u>	<u>6.580.858.842</u>	<u>-</u>	<u>2.050.820.456</u>	<u>276.631.679.298</u>
Số dư đầu năm nay	268.000.000.000	6.580.858.842	-	2.050.820.456	276.631.679.298
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	82.399.345	82.399.345
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	<u>268.000.000.000</u>	<u>6.580.858.842</u>	<u>-</u>	<u>2.133.219.801</u>	<u>276.714.078.643</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	<u>13.590.098.972</u>	<u>12.630.980.001</u>

2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn hàng hóa, dịch vụ	<u>12.633.967.208</u>	<u>11.647.647.392</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Là lãi tiền gửi	<u>25.651</u>	<u>153.698</u>

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí quản lý doanh nghiệp	<u>701.994.288</u>	<u>777.398.314</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC

Địa chỉ: 738 Lạc Long Quân, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Cổ phần Khoáng sản Na rì Hamico do Ông Nguyễn Văn Dĩnh - Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc.	Ông Nguyễn Văn Dĩnh là anh ruột của Bà Nguyễn Thị Hiền - Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

Trong kỳ không có khoản giao dịch nào phát sinh với bên liên quan.

2. Các khoản công nợ tiềm tàng

Không có khoản công nợ tiềm tàng nào cần trình bày trên Báo cáo tài chính.

3. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần trình bày trên Báo cáo tài chính.

4. Báo cáo bộ phận

Công ty không thực hiện trình bày Báo cáo bộ phận.

5. Công cụ tài chính

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), có hiệu lực đối với các Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi. Tuy nhiên, Thông tư 210 không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực kế toán quốc tế và Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán Việt Nam.

5.1. Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông/chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông/chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

5.2. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính này.

5.2.1 Quản lý rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá là rủi ro liên quan đến lỗ phát sinh từ biến động của tỷ giá trao đổi ngoại tệ. Biến động tỷ giá trao đổi giữa VND và các ngoại tệ mà Công ty có sử dụng có thể ảnh hưởng đến

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC

Địa chỉ: 738 Lạc Long Quân, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty. Công ty hạn chế rủi ro này bằng cách giảm thiểu trạng thái ngoại tệ ròng.

5.2.2 Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

5.2.3 Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu và các phân tích dự báo thị trường.

5.2.4 Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

5.2.5 Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2014

Kế toán trưởng

Ngô Văn Hiến

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hiền